

Hải Dương, ngày 11 tháng 10 năm 2023

## BÁO CÁO KẾT QUẢ

### “Khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên

Học kỳ II, III năm học 2022 - 2023”

#### 1. Mục đích, yêu cầu, nội dung và đối tượng khảo sát

##### 1.1. Mục đích

a) Đối với Nhà trường:

- Đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên thông qua phản hồi của sinh viên.
- Góp phần thực hiện quy chế dân chủ trong cơ sở giáo dục và thực hiện nhiệm vụ đảm bảo chất lượng giáo dục thường niên.
- Giúp Ban Giám hiệu, các Khoa/Bộ môn có cơ sở để nhận xét, đánh giá và có kế hoạch bồi dưỡng cho giảng viên.

b) Đối với giảng viên:

- Tạo thêm kênh thông tin giúp giảng viên tự điều chỉnh hoạt động giảng dạy, hoàn thiện, phát huy năng lực giảng dạy về chuyên môn, tác phong sư phạm.
- Nâng cao tinh thần trách nhiệm của giảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, mục tiêu đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường.

c) Đối với sinh viên:

- Tăng cường tinh thần trách nhiệm của sinh viên trong học tập và rèn luyện bản thân.
- Đảm bảo quyền lợi cho sinh viên, tạo điều kiện để sinh viên được phản ánh nguyện vọng và thể hiện chính kiến về hoạt động giảng dạy của giảng viên.

##### 1.2. Yêu cầu của việc khảo sát

Công tác lấy ý kiến sinh viên được thực hiện theo quy trình cụ thể, công khai và phải tuân thủ theo những yêu cầu sau:

- Nội dung khảo sát phải đáp ứng yêu cầu Công văn số 7324/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 08/10/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và công tác kiểm định chất lượng.
- Giảng viên và sinh viên phải được thông tin đầy đủ và hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của việc khảo sát.
- Sinh viên phải trung thực, khách quan và có thái độ đúng mực trong việc cung cấp thông tin phản hồi về hoạt động giảng dạy của giảng viên.

- Thông tin phản hồi từ sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên phải được xử lý khách quan, trung thực, chính xác và phải được sử dụng đúng mục đích.
- Giảng viên phải tôn trọng, có tinh thần cầu thị trước kết quả xử lý thông tin phản hồi từ phía sinh viên về hoạt động giảng dạy của bản thân.

### 1.3. Nội dung khảo sát

- Nội dung, chất lượng học phần
- Hoạt động giảng dạy của giảng viên
- Tổ chức, quản lý học phần
- Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập
- Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, vật liệu dạy – học

### 1.4. Đối tượng thực hiện khảo sát

Sinh viên ở trình độ đại học chính quy, vừa làm vừa học, Chuyên khoa I tham dự các học phần lý thuyết, thực hành, lâm sàng, thực tập tốt nghiệp được triển khai trong kỳ II, III năm học 2022-2023 tại Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương.

## 2. Công cụ khảo sát, phương pháp khảo sát, tiêu chí đánh giá xếp loại

Phiếu khảo sát sử dụng thang đo Likert 05 mức độ:

- Hoàn toàn không đồng ý (tương ứng với 1 điểm);
- Không đồng ý (tương ứng với 2 điểm);
- Trung lập (tương ứng với 3 điểm);
- Đồng ý (tương ứng với 4 điểm);
- Hoàn toàn đồng ý (tương ứng với 5 điểm).

### Phương pháp khảo sát:

Khảo sát bằng hình thức phát phiếu khảo sát trực tiếp đối với sinh viên hệ VLVH, Chuyên khoa I.

Khảo sát bằng phần mềm khảo sát người học-Unirate đối với sinh viên hệ chính quy

Căn cứ vào số phiếu có giá trị thống kê, sau khi xử lý thống kê, kết quả được phân loại như sau:

TT	Mức trung bình chung tích lũy	Mức ý kiến phản hồi	Hoạt động tiếp theo
1	4,21 - 5,00	Xuất sắc	Tiếp tục duy trì và phát triển
2	3,41 - 4,20	Tốt	Hoàn thiện nâng cao hơn nữa
3	2,61 - 3,40	Khá	Cải tiến hơn để nâng cao chất lượng đào tạo
4	1,81 - 2,60	Trung bình	Xây dựng kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo
5	1,00 - 1,80	Kém	Cần khắc phục ngay và nhanh chóng có kế hoạch hoàn thiện và nâng cao chất lượng đào tạo



### 3. Kết quả

#### 3.1. Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với các học phần lý thuyết

Kết quả khảo sát ý kiến sinh viên chính quy, VLVH, CKI về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ II, III năm học 2022-2023 đối với học phần lý thuyết thể hiện bảng sau:

**Bảng 1: Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với các học phần lý thuyết**

TT	Khoa/bộ môn	Số học phần LT	Số GV	Số phiếu khảo sát	Kết quả phản hồi học phần					
					Xuất sắc		Tốt		Khá	
					n	%	n	%	n	%
1	Khoa Y học cơ sở	24	7	1124	3	12.50	21	87.50	0	0.00
2	Khoa Điều dưỡng	25	10	1587	3	12.00	22	88.00	0	0.00
3	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	21	4	1254	13	61.90	8	38.10	0	0.00
4	Khoa Y	33	21	1119	7	21.21	26	78.79	0	0.00
5	Khoa Xét nghiệm	37	16	1547	12	32.43	25	67.57	0	0.00
6	Khoa YHDP/YTCC	29	8	1114	7	24.14	22	75.86	0	0.00
7	Khoa Phục hồi chức năng	21	6	1012	14	66.67	7	33.33	0	0.00
8	BM Khoa học cơ bản	14	6	678	1	7.14	13	92.86	0	0.00
9	BM Y sinh học và di truyền	6	3	357	2	33.33	4	66.67	0	0.00
10	BM Ngoại ngữ	20	9	547	0	0.00	20	100.00	0	0.00
11	BM Chính trị	21	6	1294	7	33.33	14	66.67	0	0.00
12	BM GDTC-GDQP	9	2	913	3	33.33	6	66.67	0	0.00
	<b>Tổng</b>	<b>260</b>	<b>98</b>	<b>12546</b>	<b>72</b>	<b>27.69</b>	<b>188</b>	<b>72.31</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>

#### **Nhận xét:**

Hoạt động khảo sát ý kiến sinh viên chính quy, VLVH, CKI về hoạt động giảng dạy học phần lý thuyết của GV học kỳ II, III năm học 2022-2023 được thực hiện với 98 giảng viên, tương ứng với 260 học phần.

Kết quả thu được 12546 ý kiến phản hồi (đạt 96.1%) trong đó 27.69% học phần đạt mức xuất sắc, 72.31% học phần đạt mức tốt và không có mức khá, trung bình và yếu.

### 3.2. Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với các học phần thực hành.

Kết quả khảo sát ý kiến sinh viên chính quy, VLVH, CKI về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ II, III năm học 2022 - 2023 đối với học phần thực hành thể hiện bảng sau:

**Bảng 2: Thông tin chung về hoạt động khảo sát các học phần thực hành**

TT	Khoa/bộ môn	Số học phần TH	Số giảng viên	Số phiếu khảo sát	Kết quả phản hồi học phần					
					Xuất sắc		Tốt		Khá	
					n	%	n	%	n	%
1	Khoa Xét nghiệm	58	15	687	12	20.69	46	79.31	0	0.00
2	Khoa Y	20	14	324	3	15.00	17	85.00	0	0.00
3	Khoa Phục hồi chức năng	39	10	1097	31	79.49	8	20.51	0	0.00
4	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	51	8	1314	36	70.59	15	29.41	0	0.00
5	Khoa Điều dưỡng	51	12	1598	7	13.73	44	86.27	0	0.00
6	Khoa Y học cơ sở	18	5	547	3	16.67	15	83.33	0	0.00
9	BM Y sinh học và di truyền	3	2	228	0	0.00	3	100.00	0	0.00
10	BM Khoa học cơ bản	18	7	987	4	22.22	14	77.78	0	0.00
11	Học phần nhiều GV cùng giảng dạy	7	19	506	0	0.00	7	100.00	0	0.00
	<b>Tổng</b>	<b>265</b>	<b>92</b>	<b>7288</b>	<b>96</b>	<b>36.23</b>	<b>169</b>	<b>63.77</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>



**Nhận xét:**

Hoạt động khảo sát ý kiến sinh viên chính quy, VLVH, CKI về hoạt động giảng dạy học phần thực hành của GV học kỳ II, III năm học 2022-2023 được thực hiện với 92 giảng viên, tương ứng với 265 học phần.

Kết quả thu được 7288 ý kiến phản hồi( đạt 97.2%) trong đó 36,23% học phần đạt mức xuất sắc, 63,77% học phần đạt mức tốt và không có mức khá, trung bình và yếu.

**3.3. Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với hoạt động dạy học lâm sàng**

Kết quả khảo sát ý kiến sinh viên chính quy về hoạt động dạy học lâm sàng học kỳ II năm học 2022 – 2023 thể hiện bảng sau:

**Bảng 3. Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với hoạt động dạy học lâm sàng**

Đối tượng khảo sát		Số lượng dự kiến	Số lượng tham gia	Tỷ lệ (%)
Chuyên ngành đào tạo	Điều dưỡng đa khoa	369	355	96.21
	Điều dưỡng Nha khoa	117	112	95.73
	Điều dưỡng Gây mê hồi sức	141	135	95.74
	Điều dưỡng Sản phụ khoa	57	56	98.25
	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	317	308	97.16
	Kỹ thuật Hình ảnh y học	356	345	96.91
	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	240	229	95.42
	Y khoa	230	214	93.04
<b>Tổng:</b>		<b>1827</b>	<b>1754</b>	<b>96.00</b>

**Nhận xét:** Kết quả lấy ý kiến phản hồi của sinh viên chính quy về hoạt động dạy học lâm sàng kỳ II năm học 2022-2023 đã có 1754/1827 sinh viên tham gia khảo sát, đạt tỷ lệ 96.00%.

### 3.4. Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với hoạt động dạy thực tập tốt nghiệp

Kết quả khảo sát ý kiến sinh viên chính quy về hoạt động dạy học thực tập tốt nghiệp học kỳ II năm học 2022 – 2023 thể hiện bảng sau:

**Bảng 4. Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với hoạt động thực tập tốt nghiệp**

Đặc điểm đối tượng khảo sát		Số lượng dự kiến	Số lượng tham gia	Tỷ lệ (%)
Chuyên ngành đào tạo	Điều dưỡng Nha khoa	20	19	95.00
	Điều dưỡng đa khoa	135	133	98.52
	Điều dưỡng Sản phụ khoa	15	14	93.33
	Điều dưỡng Gây mê hồi sức	69	66	95.65
	Kỹ thuật PHCN	74	69	93.24
	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	170	167	98.24
	Kỹ thuật Hình ảnh y học	120	115	95.83
	Y đa khoa	95	95	100.00
<b>Tổng:</b>		<b>698</b>	<b>678</b>	<b>97.13</b>

#### *Nhận xét:*

Kết quả lấy ý kiến phản hồi của sinh viên chính quy về hoạt động dạy học thực tập tốt nghiệp kỳ II năm học 2022-2023 đã có 678/698 sinh viên tham gia khảo sát, đạt tỷ lệ 97,13%.

### 3.5. Kết quả khảo sát chung toàn trường đối với các học phần lý thuyết

**Bảng 5: Nội dung, chất lượng học phần đối với các học phần lý thuyết**

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
5.1	CĐR/Mục tiêu học phần nêu rõ kiến thức và kỹ năng sinh viên cần đạt được	0.89	0.72	17.30	53.49	27.59	4.06
5.2	Thời lượng học phần được phân bố hợp lý cho các hình thức học tập	0.85	0.73	16.70	54.55	27.16	4.06
5.3	Nội dung học phần có sự gắn kết, liên mạch với các học phần đã học, đang học	0.85	0.69	16.24	<b>54.50</b>	<b>27.72</b>	4.08
5.4	Nội dung của các bài trong học phần phù hợp với trình độ của sinh viên	0.88	0.65	16.28	54.84	27.34	4.07
5.5	Nội dung bài giảng, tài liệu học tập được cập nhật, phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	0.88	0.73	16.32	54.18	27.90	4.07
5.6	Nội dung thi/kiểm tra phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	0.85	0.74	16.46	54.55	27.40	4.07

**Nhận xét:**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.06 - 4.08).

Tiêu chí “ Nội dung học phần có sự gắn kết, liên mạch với các học phần đã học, đang học” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 82.22 %.

Tiêu chí “ CĐR/Mục tiêu học phần nêu rõ kiến thức và kỹ năng sinh viên cần đạt được”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.61 %.



**Bảng 6: Hoạt động giảng dạy đối với các học phần lý thuyết**

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
6.1	Giảng viên thực hiện thời gian lên lớp nghiêm túc, đúng quy định	0.85	0.53	15.63	55.23	27.75	4.08
6.2	Giảng viên phổ biến đầy đủ CDR/mục tiêu, vị trí, yêu cầu và nội dung trọng tâm của học phần	0.84	0.66	15.95	55.13	27.43	4.08
6.3	Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp phát huy tính sáng tạo, khả năng nghiên cứu độc lập của sinh viên	0.84	0.72	16.23	54.85	27.36	4.07
6.4	Giảng viên giải đáp đầy đủ và kỹ lưỡng các thắc mắc của sinh viên	0.82	0.63	15.93	55.00	27.63	4.08
6.5	Giảng viên truyền đạt rõ ràng, đầy đủ các nội dung học phần	0.85	0.55	16.03	54.77	27.79	4.08
6.6	Giảng viên quan tâm giáo dục đạo đức, nhân cách cho sinh viên	0.85	0.59	16.04	55.18	27.34	4.08
6.7	Giảng viên giúp sinh viên phát triển kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm	0.80	0.30	16.53	54.76	27.61	4.08
6.8	Giảng viên sử dụng hiệu quả các phương tiện dạy học	0.84	0.59	15.81	55.33	27.42	4.08

**Nhận xét:**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.07-4.08).

Tiêu chí “Giảng viên thực hiện thời gian lên lớp nghiêm túc, đúng quy định” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 82.98%.

Tiêu chí “Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp phát huy tính sáng tạo, khả năng nghiên cứu độc lập của sinh viên”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.56 %.



**Bảng 7: Tổ chức, quản lý học phần**

	Nội dung	Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
7.1	Đề cương chi tiết học phần có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện	0.88	0.74	15.90	54.44	28.05	4.08
7.2	Sinh viên hài lòng về các nội quy, quy định khi học học phần	0.84	0.57	16.14	55.36	27.09	4.07
7.3	Sinh viên được cung cấp đầy đủ về phương pháp giảng dạy và học tập trước khi học học phần	0.84	0.60	15.85	55.44	27.28	4.08
7.4	Sinh viên được cung cấp đầy đủ về hình thức và phương pháp đánh giá học tập trước khi học học phần	0.85	0.54	15.91	55.37	27.32	4.08
7.5	Lịch giảng được đảm bảo đúng tiến độ học tập	0.83	0.54	15.79	55.45	27.39	4.08
7.6	Hoạt động tự học của sinh viên được giám sát, đánh giá hiệu quả	0.70	0.10	16.46	55.45	27.29	4.08
7.7	Sinh viên được trợ giúp và tư vấn nhiệt tình trong suốt quá trình học tập	0.84	0.58	15.78	55.23	27.56	4.08

**Nhận xét:**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt ( từ 4.07-4.08).

Tiêu chí “Lịch giảng được đảm bảo đúng tiến độ học tập” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 82.84 %.

Tiêu chí “Đề cương chi tiết học phần có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.62 %.

**Bảng 8: Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập**

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
8.1	Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với tính chất và đặc thù của môn học.	0.84	0.59	15.61	55.57	27.40	4.08
8.2	Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kích thích sinh viên tự học, tự nghiên cứu	0.87	0.57	16.20	55.62	26.75	4.07
8.3	Kết quả kiểm tra đánh giá công bằng, khách quan	0.84	0.59	16.16	55.09	27.32	4.07
8.4	Thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp sinh viên cải thiện kết quả học tập	0.81	0.60	16.30	54.93	27.37	4.07
8.5	Sinh viên được giải quyết khiếu nại thỏa đáng liên quan đến thi, kiểm tra	0.84	0.53	15.75	55.67	27.22	4.08

**Nhận xét:**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt ( từ 4.07 - 4.08).

Tiêu chí “Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với tính chất và đặc thù của môn học” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 82.97%.

Tiêu chí “Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kích thích sinh viên tự học, tự nghiên cứu”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.44 %



**Bảng 9: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, vật liệu dạy - học**

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
9.1	Giáo trình, tài liệu tham khảo được cung cấp đầy đủ, đáp ứng được nhu cầu học tập của sinh viên	0.81	0.59	15.73	55.55	27.32	4.08
9.2	Cơ sở vật chất khi học học phần: bàn ghế đầy đủ, phòng học rộng rãi, thoáng mát	0.84	0.64	16.52	55.61	26.39	4.06
9.3	Trang thiết bị phục vụ học tập đầy đủ, chất lượng tốt	0.81	0.64	16.95	54.70	26.90	4.06
9.4	Phòng tự học lý thuyết đáp ứng nhu cầu của sinh viên	<b>0.80</b>	<b>0.69</b>	16.53	55.18	26.82	4.07

**Nhận xét:**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau và đạt mức tốt ( từ 4.06 - 4.08)

Tiêu chí “Giáo trình, tài liệu tham khảo được cung cấp đầy đủ, đáp ứng được nhu cầu học tập của sinh viên” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 82.87 %.

Tiêu chí “Phòng tự học lý thuyết đáp ứng nhu cầu của sinh viên”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.49 %

### 3.6. Kết quả khảo sát chung toàn trường đối với các học phần thực hành

**Bảng 10: Nội dung, chất lượng học phần đối với các học phần thực hành**

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
10.1	CĐR/Mục tiêu học phần nêu rõ kiến thức và kỹ năng sinh viên cần đạt được	0.62	0.30	16.26	56.27	26.55	4.08
10.2	Thời lượng học phần được phân bố hợp lý cho các hình thức học tập	<b>0.58</b>	<b>0.38</b>	15.60	56.87	26.56	4.08
10.3	Nội dung học phần có sự gắn kết, liền mạch với các học phần đã học, đang học	0.60	0.29	15.45	56.76	26.89	4.09
10.4	Nội dung của các bài trong học phần phù hợp với trình độ của sinh viên	0.60	0.27	15.74	56.55	26.84	4.09
10.5	Nội dung thực hành, tài liệu tham khảo được cập nhật, phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	0.62	0.27	15.37	<b>56.57</b>	<b>27.17</b>	4.09
10.6	Nội dung thi/kiểm tra phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	0.64	0.25	15.53	56.55	27.03	4.09

**Nhận xét:**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.08 - 4.09)

Tiêu chí “Nội dung thực hành, tài liệu tham khảo được cập nhật, phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 83.74%.

Tiêu chí “Thời lượng học phần được phân bố hợp lý cho các hình thức học tập” có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 0.96%.



**Bảng 11. Hoạt động giảng dạy đối với các học phần thực hành**

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
11.1	Giảng viên thực hiện thời gian lên lớp nghiêm túc, đúng quy định	0.59	0.36	14.52	<b>56.86</b>	<b>27.68</b>	4.11
11.2	Giảng viên phổ biến đầy đủ mục tiêu, vị trí, yêu cầu và nội dung trọng tâm của học phần	<b>0.59</b>	<b>0.36</b>	15.00	57.09	26.96	4.10
11.3	Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp phát huy tính sáng tạo, khả năng nghiên cứu độc lập, làm việc nhóm của sinh viên	0.54	0.34	15.48	56.90	26.74	4.09
11.4	Giảng viên giải đáp đầy đủ và kỹ lưỡng các thắc mắc của sinh viên	0.54	0.32	15.29	56.53	27.33	4.10
11.5	Giảng viên hướng dẫn sinh viên sử dụng trang thiết bị thực hành an toàn, đúng quy trình	0.56	0.30	14.93	57.09	27.11	4.10
11.6	Giảng viên luôn giám sát, uốn nắn, kèm cặp sinh viên thực hành và điều chỉnh kịp thời	0.59	0.27	15.46	56.64	27.03	4.09
11.7	Giảng viên luôn quan tâm giáo dục ý thức thực hành nghề nghiệp cho sinh viên	0.58	0.25	15.09	57.16	26.92	4.10

**Nhận xét**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.09 - 4.11).

Tiêu chí “Giảng viên thực hiện thời gian lên lớp nghiêm túc, đúng quy định” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 84.54 %.

Tiêu chí “Giảng viên phổ biến đầy đủ mục tiêu, vị trí, yêu cầu và nội dung trọng tâm của học phần” có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 0.95 %.

**Bảng 12: Tổ chức, quản lý dạy học đối với các học phần thực hành**

	Nội dung	Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
12.1	Đề cương chi tiết học phần có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện	0.54	0.37	15.18	57.00	26.92	4.09
12.2	Sinh viên hài lòng về các nội quy, quy định khi học học phần	0.56	0.27	15.37	57.23	26.56	4.09
12.3	Sinh viên được cung cấp đầy đủ về phương pháp giảng dạy và học tập trước khi học học phần	0.55	0.25	15.38	57.24	26.58	4.09
12.4	Sinh viên được cung cấp đầy đủ về hình thức và phương pháp đánh giá học tập trước khi học học phần	0.56	0.29	14.83	57.48	26.84	4.10
12.5	Lịch giảng được đảm bảo đúng tiến độ học tập	0.55	0.26	15.08	57.26	26.85	4.10
12.6	Hoạt động tự học của sinh viên được giám sát, đánh giá hiệu quả	<b>0.63</b>	<b>0.33</b>	15.29	56.74	27.02	4.09
12.7	Sinh viên được trợ giúp và hướng dẫn nhiệt tình trong suốt quá trình học tập	0.55	0.26	14.81	<b>57.67</b>	<b>26.72</b>	4.10

**Nhận xét**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt đạt (từ 4.09 - 4.10).

Tiêu chí “Sinh viên được trợ giúp và hướng dẫn nhiệt tình trong suốt quá trình học tập” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 84.39 %.

Tiêu chí “Hoạt động tự học của sinh viên được giám sát, đánh giá hiệu quả” có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 0.96 %.



**Bảng 13: Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đối với các học phần thực hành**

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
13.1	Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với tính chất và đặc thù của môn học.	0.56	0.23	15.01	57.03	27.17	4.10
13.2	Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kích thích sinh viên tự học, tự nghiên cứu	0.56	0.25	15.61	56.86	26.72	4.09
13.3	Kết quả kiểm tra đánh giá công bằng, khách quan	<b>0.58</b>	<b>0.29</b>	15.22	57.14	26.78	4.09
13.4	Thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp sinh viên cải thiện kết quả học tập	0.56	0.27	15.45	56.87	26.84	4.09
13.5	Sinh viên được giải quyết khiếu nại thỏa đáng liên quan đến thi, kiểm tra	0.55	0.27	14.94	<b>57.38</b>	<b>26.85</b>	4.10

***Nhận xét***

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.09-4.10).

Tiêu chí “Sinh viên được giải quyết khiếu nại thỏa đáng liên quan đến thi, kiểm tra” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 84.23 %.

Tiêu chí “Kết quả kiểm tra đánh giá công bằng, khách quan” có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 0.87 %.

**Bảng 14: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, vật liệu dạy - học đối với các học phần thực hành**

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
14.1	Giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng được nhu cầu học tập của sinh viên	0.51	0.27	15.18	<b>56.89</b>	<b>27.15</b>	4.10
14.2	Vật tư, hóa chất tiêu hao được đáp ứng đầy đủ	0.51	0.44	15.61	57.00	26.44	4.08
14.3	Cơ sở vật chất khi học học phần: bàn ghế đầy đủ, phòng học rộng rãi, thoáng mát....	0.54	0.33	15.93	56.68	26.52	4.08
14.4	Trang thiết bị thực hành phục vụ học tập đầy đủ, chất lượng tốt	<b>0.52</b>	<b>0.47</b>	15.46	57.16	26.39	4.08

### ***Nhận xét***

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 4.08-4.10).

Tiêu chí “Giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng được nhu cầu học tập của sinh viên” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 84.04%.

Tiêu chí “Trang thiết bị thực hành phục vụ học tập đầy đủ, chất lượng tốt”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 0.99 %.



### 3.7. Kết quả khảo sát chung toàn trường đối với các học phần lâm sàng

**Bảng 15 : Nội dung, chất lượng học phần lâm sàng**

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
15.1	CĐR/Mục tiêu học phần phù hợp với nhu cầu thực tế lâm sàng	0.18	0.18	19.74	55.21	24.68	4.04
15.2	Thời lượng học phần được phân bố hợp lý	<b>0.18</b>	<b>0.19</b>	18.64	57.40	23.58	4.04
15.3	Nội dung học phần gắn với đặc điểm ngành nghề	0.18	0.00	19.01	56.49	24.31	4.05
15.4	Nội dung kiến thức có tính cập nhật, hiện đại	0.18	0.18	18.10	<b>56.49</b>	<b>25.05</b>	4.06
15.5	Nội dung của các bài trong học phần phù hợp với trình độ của sinh viên	0.18	0.00	18.65	56.31	24.86	4.06
15.6	Nội dung thi/kiểm tra phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	0.18	0.00	18.83	57.04	23.95	4.05

**Nhận xét:**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 4.04-4.06)

Tiêu chí “Nội dung kiến thức có tính cập nhật, hiện đại” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 81.54%.

Tiêu chí “Thời lượng học phần được phân bố hợp lý”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 0.37 %.

**Bảng 16: Hoạt động dạy học lâm sàng**

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
16.1	Giảng viên phổ biến đầy đủ CDR/mục tiêu, vị trí, yêu cầu và nội dung trọng tâm của học phần lâm sàng	0.18	0.00	20.29	56.49	23.03	4.02
16.2	Được Trưởng khoa(hoặc BS tại khoa) giới thiệu về khoa, cơ cấu bệnh tật, các kỹ thuật/thủ thuật, nội quy khoa	0.18	0.18	20.11	56.86	22.67	4.02
16.3	Được giảng viên giảng lâm sàng tại giường bệnh theo chủ đề	<b>0.19</b>	<b>0.18</b>	19.55	56.67	23.40	4.03
16.4	Được giảng lâm sàng đầy đủ các nội dung như trong đề cương chi tiết học phần	0.18	0.18	20.11	55.94	23.58	4.03
16.5	Giảng viên quan tâm rèn kỹ năng tay nghề cho sinh viên trong khi dạy- học lâm sàng	0.18	0.18	19.01	57.95	22.67	4.03
16.6	Giảng viên quan tâm giáo dục đạo đức, nhân cách, giao tiếp ứng xử cho sinh viên khi tiếp xúc người bệnh, gia đình bệnh nhân	0.18	0.00	18.65	<b>58.50</b>	<b>22.67</b>	4.03
16.7	Giảng viên phân tích và chỉ ra các sai sót y khoa cần tránh khi thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật	0.18	0.18	19.20	57.59	22.85	4.03

**Nhận xét:**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 4.02-4.03).

Tiêu chí “Giảng viên quan tâm giáo dục đạo đức, nhân cách, giao tiếp ứng xử cho sinh viên khi tiếp xúc người bệnh, gia đình bệnh nhân” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 81.17%.

Tiêu chí “Được giảng viên giảng lâm sàng tại giường bệnh theo chủ đề”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 0.37 %.



**Bảng 17: Tổ chức, quản lý dạy học lâm sàng**

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
17.1	Thầy/ cô của Khoa gặp mặt phổ biến nội dung, kế hoạch trước các vòng lâm sàng	0.18	0.00	17.54	<b>58.68</b>	<b>23.59</b>	4.05
17.2	Lịch giảng lâm sàng được thông báo rõ ràng, cụ thể và hợp lý	0.18	0.00	19.01	57.59	23.22	4.04
17.3	Được phân công cụ thể bác sĩ tại khoa kèm cặp trong thực tập lâm sàng	0.37	0.18	18.10	57.77	23.58	4.04
17.4	Được giao ban chuyên môn với khoa (hoặc giao ban sinh viên) hàng sáng	<b>0.37</b>	<b>0.37</b>	17.73	57.04	24.50	4.05
17.5	Giảng viên quản lý sinh viên thường xuyên tổ chức rút kinh nghiệm khi kết thúc vòng lâm sàng	0.18	0.37	17.92	57.40	24.13	4.05

**Nhận xét:**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 4.04-4.05).

Tiêu chí “Thầy/ cô của Khoa gặp mặt phổ biến nội dung, kế hoạch trước các vòng lâm sàng” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 82.27%.

Tiêu chí “Được giao ban chuyên môn với khoa (hoặc giao ban sinh viên) hàng sáng”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 0.74%.

**Bảng 18: Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập lâm sàng**

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
18.1	Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá công bằng, khách quan	0.18	0.18	16.64	59.05	23.95	4.06
18.2	Phương pháp kiểm tra, đánh giá kích thích sinh viên tự học, tự nghiên cứu và giúp hoàn thiện năng lực cho sinh viên	0.18	0.00	16.81	58.50	24.50	4.05
18.3	Kết quả kiểm tra đánh giá được thông báo đến sinh viên ngay sau khi kết thúc vòng lâm sàng theo đúng quy định	0.18	0.00	17.92	59.23	22.67	4.04
18.4	Thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp sinh viên cải thiện kết quả học tập	0.18	0.00	17.92	56.86	25.05	4.07
18.5	Sinh viên được giải quyết khiếu nại thỏa đáng liên quan đến thi, kiểm tra	0.18	0.00	18.46	57.59	23.77	4.05

**Nhận xét:**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung đạt mức tốt (từ 4.04-4.07).

Tiêu chí “Phương pháp kiểm tra, đánh giá kích thích sinh viên tự học, tự nghiên cứu và giúp hoàn thiện năng lực cho sinh viên” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 83.00 %.

Tiêu chí “Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá công bằng, khách quan”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 0.36 %.



**Bảng 19: Cơ sở vật chất, trang thiết bị/phương tiện, vật liệu dạy học và các điều kiện khác đảm bảo cho việc học tập lâm sàng**

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
19.1	Tại khoa có đủ mặt bệnh như đề cương chi tiết học phần lâm sàng	0.18	0.38	18.27	57.59	23.58	4.04
19.2	Cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ, đáp ứng nhu cầu học tập	0.18	0.18	18.46	57.95	23.22	4.04
19.3	Lưu lượng sinh viên thực tập tại khoa là phù hợp	0.18	0.37	19.56	56.86	23.03	4.02
19.4	Có sự phối hợp tốt giữa các SV trong nhóm thực hành lâm sàng	0.18	0.18	17.92	57.77	23.95	4.05

**Nhận xét:**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 4.02-4.05).

Tiêu chí “Có sự phối hợp tốt giữa các SV trong nhóm thực hành lâm sàng” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 81.72%.

Tiêu chí “Tại khoa có đủ mặt bệnh như đề cương chi tiết học phần lâm sàng”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 0.56 %.

### 3.8. Kết quả khảo sát chung toàn trường đối với các học phần thực tập tốt nghiệp

**Bảng 20 : Nội dung, chất lượng học phần**

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
20.1	CĐR/Mục tiêu học phần phù hợp với nhu cầu	0.36	0.72	12.66	59.67	26.58	4.11
20.2	Thời lượng TTTN được phân bố hợp lý	<b>0.54</b>	<b>0.55</b>	13.91	61.12	23.87	4.07
20.3	Nội dung TTTN phù hợp với CĐR, mục tiêu HP	0.36	0.36	13.02	59.86	26.40	4.12
20.4	Nội dung kiến thức có tính cập nhật, hiện đại	0.54	0.18	12.66	61.12	25.50	4.11
20.5	Nội dung TTTN phù hợp với trình độ của sinh viên	0.36	0.36	11.75	<b>62.39</b>	<b>25.14</b>	4.12
20.6	Nội dung thi/kiểm tra phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	0.72	0.18	11.39	62.39	25.32	4.11

**Nhận xét:**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 4.07-4.12).

Tiêu chí “Nội dung TTTN phù hợp với trình độ của sinh viên” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 87.53%.

Tiêu chí “Thời lượng TTTN được phân bố hợp lý”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.09%.



**Bảng 21: Hoạt động dạy học thực tập tốt nghiệp**

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
21.1	Giảng viên phổ biến đầy đủ CĐR/mục tiêu, vị trí, yêu cầu và nội dung trọng tâm, chỉ tiêu tay nghề, nội dung – tiêu chí kiểm tra, đánh giá trước đợt TTTN	0.72	0.36	11.57	<b>61.48</b>	<b>25.86</b>	4.11
21.2	Được giảng viên lâm sàng giới thiệu về khoa, cơ cấu bệnh tật, các kỹ thuật/thủ thuật, nội quy khoa	0.54	0.72	12.12	62.75	23.87	4.09
21.3	Được giảng viên giảng lâm sàng tại giường bệnh theo chủ đề, phân tích và chỉ ra các sai sót y khoa, đề phòng y học, cần tránh khi thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật	<b>0.54</b>	<b>1.63</b>	11.57	60.94	25.32	4.09
21.4	Được học tập đầy đủ các chỉ tiêu tay nghề của đợt TTTN	0.72	1.08	11.39	62.03	24.77	4.09
21.5	Giảng viên quan tâm rèn kỹ năng tay nghề, cho sinh viên trong khi dạy- học lâm sàng	0.72	0.90	11.57	62.03	24.77	4.09
21.6	Giảng viên quan tâm giáo dục đạo đức, nhân cách, cách giao tiếp ứng xử cho sinh viên khi tiếp xúc người bệnh, gia đình bệnh nhân	0.72	0.72	12.48	61.30	24.77	4.09
21.7	Đợt TTTN giúp cải thiện tốt kiến thức, kỹ năng tay nghề của SV	0.72	0.18	11.93	62.21	24.95	4.10

**Nhận xét:**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 4.09 - 4.11).

Tiêu chí “Giảng viên phổ biến đầy đủ CĐR/mục tiêu, vị trí, yêu cầu và nội dung trọng tâm, chỉ tiêu tay nghề, nội dung – tiêu chí kiểm tra, đánh giá trước đợt TTTN ” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 87.34 %.

Tiêu chí “Được giảng viên giảng lâm sàng tại giường bệnh theo chủ đề, phân tích và chỉ ra các sai sót y khoa, đề phòng y học, cần tránh khi thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 2.17%.

**Bảng 22: Tổ chức, quản lý dạy học thực tập tốt nghiệp**

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
22.1	Thầy/ cô của Khoa gặp mặt phổ biến nội dung, kế hoạch trước đợt TTTN	0.54	0.36	10.84	<b>61.84</b>	<b>26.41</b>	4.13
22.2	Kế hoạch TTTN rõ ràng, cụ thể và hợp lý	0.72	0.18	11.39	60.94	26.76	4.13
22.3	Được phân công giảng viên lâm sàng tại khoa kèm cặp trong quá trình TTTN	0.54	0.54	11.93	62.03	24.95	4.10
22.4	Được giao ban chuyên môn với khoa (hoặc giao ban SV) định kỳ	<b>0.72</b>	<b>0.73</b>	10.84	59.31	28.39	4.14
22.5	Giảng viên của Khoa giám sát, hỗ trợ hiệu quả SV trong thời gian TTTN	0.54	0.54	11.39	62.39	25.14	4.11

**Nhận xét:**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 4.10-4.14)

Tiêu chí “Thầy/ cô của Khoa gặp mặt phổ biến nội dung, kế hoạch trước đợt TTTN” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 88.25 %.

Tiêu chí “Được giao ban chuyên môn với khoa (hoặc giao ban SV) định kỳ”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.45%.



**Bảng 23: Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập thực tập tốt nghiệp**

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
23.1	Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá công bằng, khách quan	0.54	0.18	10.84	<b>61.48</b>	<b>26.95</b>	4.14
23.2	Phương pháp kiểm tra, đánh giá kích thích sinh viên tự học, tự nghiên cứu và giúp hoàn thiện năng lực cho sinh viên	0.72	0.00	12.12	62.93	24.23	4.10
23.3	Kết quả kiểm tra đánh giá được thông báo đến sinh viên ngay sau khi kết thúc đợt TTTN	<b>0.54</b>	<b>0.54</b>	10.67	61.12	27.12	4.14
23.4	Thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp sinh viên cải thiện kết quả học tập	0.72	0.00	12.12	62.75	24.41	4.10
23.5	Sinh viên được giải quyết khiếu nại thỏa đáng liên quan đến thi, kiểm tra	0.54	0.18	11.21	62.21	25.86	4.13

**Nhận xét:**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 4.10-4.14)

Tiêu chí “Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá công bằng, khách quan” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 88.43 %.

Tiêu chí “Kết quả kiểm tra đánh giá được thông báo đến sinh viên ngay sau khi kết thúc đợt TTTN”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.08%.

**Bảng 24: Cơ sở vật chất, trang thiết bị/phương tiện, vật liệu dạy học và các điều kiện khác đảm bảo cho việc học tập thực tập tốt nghiệp**

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Trung lập (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
24.1	Cơ sở TTTN đáp ứng đầy đủ chỉ tiêu tay nghề đưa ra trong kế hoạch học tập	0.54	0.54	11.21	59.67	28.03	4.14
24.2	Cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ, đáp ứng nhu cầu học tập	0.72	0.18	11.75	62.57	24.77	4.10
24.3	Lưu lượng sinh viên thực tập tại khoa là phù hợp	<b>0.54</b>	<b>0.73</b>	11.74	60.22	26.76	4.12
24.4	Có sự phối hợp tốt giữa các SV trong nhóm TTTN	0.72	0.18	10.67	<b>62.75</b>	<b>25.68</b>	4.12

**Nhận xét:**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 4.10-4.14)

Tiêu chí “Có sự phối hợp tốt giữa các SV trong nhóm TTTN” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 88.43 %.

Tiêu chí “Lưu lượng sinh viên thực tập tại khoa là phù hợp”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.27%.

**4. Kết luận chung**

**4.1. Một số kết quả đạt được:**

- Có sự phối hợp tốt giữa các Phòng chức năng, Khoa/Bộ môn trong việc vận động sinh viên tham gia phản hồi về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Kết quả tỷ lệ sinh viên phản hồi > 96%.

- Đối với các khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy các học phần lý thuyết:



+ Đã tiến hành khảo sát được 98 giảng viên, giảng 260 học phần lý thuyết, trong đó có 27.69% số giảng viên được sinh viên phản hồi đạt mức xuất sắc, 72.31% giảng viên đạt mức tốt và không có mức khá, trung bình, yếu.

+ Tỷ lệ sinh viên đồng ý với các tiêu chí đánh giá về nội dung học phần; hoạt động giảng dạy và hoạt động kiểm tra đánh giá của giảng viên toàn trường đều đạt mức tốt, từ 81% trở lên.

- Đối với khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy các học phần thực hành:

+ Đã khảo sát 92 giảng viên giảng 265 học phần thực hành trong đó có 36.23% số giảng viên được sinh viên phản hồi đạt mức xuất sắc, 63.77% giảng viên đạt mức tốt và không có mức khá, trung bình, yếu.

+ Tỷ lệ sinh viên đồng ý với các tiêu chí đánh giá về nội dung học phần, hoạt động giảng dạy và hoạt động kiểm tra đánh giá của giảng viên toàn trường đạt mức tốt, từ 82% trở lên.

- Đối với khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động dạy học lâm sàng:

+ Đã khảo sát được 1754 sinh viên tham gia khảo sát, đạt tỷ lệ 96.00%.

+ Tỷ lệ sinh viên đồng ý với các tiêu chí đánh giá về nội dung, chất lượng học phần, tổ chức hoạt động dạy học lâm sàng và hoạt động kiểm tra đánh giá đạt mức tốt, từ 79% trở lên.

- Đối với khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động thực tập tốt nghiệp:

+ Đã khảo sát được 678 sinh viên tham gia khảo sát, đạt tỷ lệ 97.13%.

+ Tỷ lệ sinh viên đồng ý với các tiêu chí đánh giá về nội dung, chất lượng học phần, tổ chức hoạt động thực tập tốt nghiệp và hoạt động kiểm tra đánh giá đạt mức tốt, từ 84% trở lên.

#### **4.2. Một số vấn đề tồn tại:**

- Còn tỉ lệ nhỏ ý kiến sinh viên “ Không đồng ý” và “ Hoàn toàn không đồng ý” ở các tiêu chí khảo sát học phần lý thuyết và thực hành, lâm sàng và thực tập tốt nghiệp (từ 0.18-2.17%)

- Còn tỉ lệ nhỏ sinh viên không tham gia khảo sát dù đã được Phòng/Khoa/BM đôn đốc: với HP lý thuyết là 3.9%, với HP thực hành là 2.8%, với HP lâm sàng là 4%, với HP thực tập tốt nghiệp là 2.87%

- Còn 7 học phần thực hành tương ứng 19 GV cùng dạy chung học phần không thể khảo sát được từng GV mà chỉ có đánh giá chung cho học phần.

- Hoạt động dạy học lý thuyết, thực hành còn một số ý kiến như: cần chỉnh sửa lại giáo trình, tài liệu tham khảo; GV cùng GV chung một học phần thực hành trước khi giảng dạy cần thống nhất thống nhất quy trình thực hành với nhau; GV cần thay đổi phương pháp giảng dạy truyền thống để môn học thêm sinh động, dễ tiếp thu...

- Hoạt động dạy học lâm sàng, thực tế tốt nghiệp còn một số ý kiến sinh viên phản ánh như thiếu mặt bệnh khi đi lâm sàng, thiếu giảng viên đi lâm sàng, GV chưa quan tâm sát sao tới SV, SV chưa được tiếp cận với trang thiết bị máy móc hiện đại, kỹ năng giao tiếp của SV với bệnh nhân còn hạn chế...

## 5. Đối sánh kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên kỳ II năm học 2021-2022 và phương hướng cải tiến chất lượng

### 5.1 Đối sánh kết quả khảo sát

**Bảng 19: Kết quả khảo sát**

Nội dung	Kỳ II năm học 2021-2022	Kỳ II năm học 2022-2023
<b>HP khảo sát (HP)</b>		
-Lý thuyết	321	260
-Thực hành	258	265
-Lâm sàng	21	21
-Thực tập tốt nghiệp	5	5
<b>GV khảo sát (Người)</b>		
-Lý thuyết	102	98
-Thực hành	114	92
<b>Xếp loại HP</b>		
-Lý thuyết	26.36% xuất sắc, 73.64% tốt, 0.00% khá	27.69% xuất sắc, 72.31% tốt, 0.00% khá
-Thực hành	25.86% xuất sắc, 74.14% tốt, 0.00% khá	36.23% xuất sắc, 63.77% tốt, 0.00% khá



**Nhận xét:**

- Số học phần khảo sát lý thuyết giảm 61 HP, thực hành tăng 7 HP so với kỳ II năm học 2021-2022 do:

+ Sĩ số lớp học tăng ở nhiều học phần các môn cơ sở ngành thuộc các Bộ môn Chính trị, Ngoại ngữ, Khoa học cơ bản dẫn đến số lượng học phần khảo sát ở các Bộ môn này giảm nhiều so với kỳ II năm 2021-2022

+ Trong chương trình đào tạo đã lược bỏ học phần Anh 4, hiện chỉ có học phần Anh1, Anh 2, Anh 3 nên số lớp Tiếng Anh giảm

+ Riêng với học phần thực hành: số học phần thực hành tăng (7 học phần) so với kỳ II năm học 2021-2022 do một số học phần của khoa Điều dưỡng, phòng QLĐT thực hiện được việc gán tên nhiều GV cùng dạy chung một học phần trên phần mềm đào tạo.

- Tỷ lệ giảng viên đạt mức xuất sắc tăng ở cả giảng viên lý thuyết là 1.33% và thực hành là 10.37%.

- Tiêu chí tỷ lệ SV đồng ý tăng ở một số tiêu chí như:

+ Hoạt động tự học của sinh viên được giám sát, đánh giá hiệu quả đạt 82.64% ( kỳ 2 năm 2021-2022 là 80.99%)

+ Sinh viên được trợ giúp và tư vấn nhiệt tình trong suốt quá trình học tập đạt 82.79% ( kỳ 2 năm 2021-2022 là 81.22%)

+ Lịch giảng được đảm bảo đúng tiến độ học tập đạt 82.84% ( kỳ 2 năm 2021-2022 là 81.17%)

+ Sinh viên được giải quyết khiếu nại thỏa đáng liên quan đến thi, kiểm tra đạt 82.89%( kỳ 2 năm 2021-2022 là 81.20%)

- Tỷ lệ sinh viên đồng ý giảm ở một số tiêu chí:

+ Giảng viên phổ biến đầy đủ CĐR/mục tiêu, vị trí, yêu cầu và nội dung trọng tâm của học phần lâm sàng là 79.52% ( kỳ 2 năm 2021-2022 là 81.11%)

+ Lưu lượng sinh viên thực tập tại khoa là phù hợp là 79.89% ( kỳ 2 năm 2021-2022 là 81.11 %)

+ Nội dung học phần gắn với đặc điểm ngành nghề là 80.80% ( kỳ 2 năm 2021-2022 là 81.92 %)

- Tỷ lệ sinh viên không đồng ý giảm ở một số tiêu chí:

+ Nội dung của các bài trong học phần lâm sàng phù hợp với trình độ của sinh viên là 0.18% ( kỳ 2 năm 2021-2022 là 1.66 %)

+ CĐR/Mục tiêu học phần phù hợp với nhu cầu thực tế lâm sàng là 0.37% ( kỳ 2 năm 2021-2022 là 1.66 %)

+ Sinh viên được trợ giúp và tư vấn nhiệt tình trong suốt quá trình học tập thực hành là 0.81% ( kỳ 2 năm 2021-2022 là 1.13 %)

- Tỷ lệ sinh viên không đồng ý tăng ở một số tiêu chí:

+ Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp phát huy tính sáng tạo, khả năng nghiên cứu độc lập của sinh viên là 1.56% ( kỳ 2 năm 2021-2022 là 1.23%)

+ CĐR/Mục tiêu học phần nêu rõ kiến thức và kỹ năng sinh viên cần đạt được là 1.61% ( kỳ 2 năm 2021-2022 là 1.29%)

+ Đề cương chi tiết học phần có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện là 1.62% ( kỳ 2 năm 2021-2022 là 1.32 %)

## 5.2 Phương hướng cải tiến chất lượng

Theo kết quả báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của sinh viên chính quy và VLVH về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ II, III năm học 2022-2023, Hiệu trưởng yêu cầu:

- Phòng Khảo thí và BDCLGD là đầu mối kết hợp với Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Công tác quản lý sinh viên, Phòng Công nghệ thông tin, các Khoa/Bộ môn tiếp tục phối hợp chặt chẽ để tuyên truyền ý nghĩa của đợt khảo sát, đôn đốc sinh viên tham gia phản hồi hoạt động giảng dạy của giảng viên học phần các học kỳ tiếp theo.

- Khoa/Bộ môn căn cứ kết quả khảo sát, tổ chức họp rút kinh nghiệm xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng đào tạo cho học kỳ I năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo gửi về phòng KT&BDCLGD trước 30/11/2023 (theo Phụ lục 7). Kết quả thực hiện Kế hoạch sẽ được báo cáo cùng Báo cáo bảo đảm chất lượng giáo dục năm học 2023-2024 của đơn vị. *Que*

### Nơi nhận:

- Hội đồng Trường ;
- Ban Giám hiệu ;
- Các đơn vị;
- Lưu VT, KT&BDCLGD.



**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
**Phạm Thị Cẩm Hưng**